TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **245**/2026/DS-ST
Ngày: 13/7/2026
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Phúc**
2. Ông **Nguyễn Thanh Tú**
- Thư ký phiên toà: Bà **Phan Thị Diễm Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Ngày **13** tháng **7** năm **2026** tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp (cơ sở 02) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 385/2026/TLST-DS ngày 22/5/2026 về việc tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2026/QĐXXST-DS ngày 18/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn P**, sinh năm 1959.
Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp).
Đại diện ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1977.
Địa chỉ: số A P, Phường Đ, tỉnh Đồng Tháp.
(Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2026)
- Bị đơn: Bà **Trần Thị C**, sinh năm 1965.
Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp).
(Chị H, bà C có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 13/4/2026 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc H là đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Huỳnh Văn P trình bày:

Ông P là hụi viên có tham gia 04 dây dụi do bà Trần Thị C làm đầu thảo hụi cụ thể như sau:

Dây thứ 01: Hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng khui ngày 17/11/2023 âm lịch, gồm 22 phần, ông P tham gia 02 phần (tên trong danh hụi là Cu thứ tự số 10, 22),

ông P đóng hụi sống được 20 phần thì bà C ngưng không khui tiếp: 20 phần x 2 x 2.000.000 đồng = **80.000.000 đồng.**

Dây thứ 02: Hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng khui ngày 04/12/2023 âm lịch, gồm 22 phần, ông P tham gia 02 phần (tên trong danh hụi là Cu thứ tự số 7, 8), ông P đóng hụi sống được 20 phần thì bà C ngưng không khui tiếp: 20 phần x 2 x 2.000.000 đồng = **80.000.000 đồng.**

Dây thứ 03: Hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng khui ngày 19/2/2024 âm lịch, gồm 24 phần, ông P tham gia 01 phần (tên trong danh hụi là Cu thứ tự số 8), ông P đóng hụi sống được 17 phần thì bà C ngưng không khui tiếp: 17 phần x 01 x 2.000.000 đồng = **34.000.000 đồng.**

Dây thứ 04: Hụi 2.000.000 đồng, hụi tháng khui ngày 10/12/2024 âm lịch, gồm 24 phần, ông P tham gia 01 phần (tên trong danh hụi là Cu thứ tự số 7), ông P đóng hụi sống được 08 phần thì bà C ngưng không khui tiếp: 08 phần x 1 x 2.000.000 đồng = **16.000.000 đồng.**

Tổng số tiền hụi bà C còn nợ hụi tổng cộng 210.000.000 đồng, sau đó bà C bán đất trả hiện còn nợ lại 150.000.000 đồng đến nay chưa trả

Do đó, nay ông P yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả số tiền hụi 150.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà C thừa nhận có làm đầu thảo hụi ông P là hụi viên có tham gia 04 dây hụi như ông P trình bày là đúng, do một số hụi viên không đóng hụi nên đến nay chưa trả tiền hụi, hiện còn nợ ông P số tiền 150.000.000 đồng.

Nay bà C đồng ý trả cho ông P số tiền nợ hụi 150.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn ông P yêu cầu bà C trả số tiền hụi 150.000.000 đồng trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; Bị đơn bà C đồng ý trả cho ông P số tiền nợ hụi 150.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[2] Xét, tại tòa bị đơn bà C thừa nhận có làm đầu thảo hụi ông P có tham gia 04 dây hụi, hiện hụi đã mãn bà C còn nợ tiền hụi ông P chưa trả 150.000.000 đồng, nên lời thừa nhận nợ của bà C đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, ông P kiện bà C trả số tiền hụi 150.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ hụi, biêu, phường; Điều 471 Bộ luật dân sự.

[3] Tại phiên tòa, hai bên không thỏa thuận được về thời gian trả số tiền hụi. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền trên do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P căn cứ vào Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, nên buộc bà C phải chịu 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, do bà C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ hụi, biêu, phường; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn P.

Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn P số tiền hụi 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị C.

Do ông Huỳnh Văn P là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và được Tòa án chấp nhận, nên không có hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông P.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Văn P, bà Trần Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe